

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 237/2023/DS-ST
Ngày 19 – 9 – 2023
V/v Tranh chấp
Nghĩa vụ thanh toán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- **Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên toà:** Ông Ngô Kiên Định – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023 về việc tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH H. Địa chỉ: số 33, đường P.Đ.G, khóm N, phường M, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Giáp Văn Nh. Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đào Công K, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 10D, đường L.P, khóm 7, phường t, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Theo văn bản ủy quyền ngày 03/4/2023. (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH TM - DV Xây dựng Q. Địa chỉ: số 163 đường N.T.T, khóm 8, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Hoàng Ph, Chức vụ: Giám đốc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như ý kiến bổ sung tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH L (gọi tắt công ty L) và Công ty TNHH H (gọi tắt công ty H) có nhiều giao dịch với nhau về lĩnh vực xây dựng, thi công các công trình xây dựng. Trên cơ sở thỏa thuận giữa hai công ty, ngày

14/8/2018 và 31/8/2018 Công ty H hai lần giao cho Công ty TNHH TM-DV Xây dựng Q (gọi tắt công ty Q) mỗi lần 150.000.000đ, tổng 300.000.000đ. Số tiền này công ty L nhờ tài khoản của công ty H để trả cho công ty Q, cụ thể là công ty L chuyển vào tài khoản của công ty H 300.000.000đ, để công ty H chi trả cho công ty Q liên quan đến công trình Bệnh viện đa khoa Bạc Liêu mà công ty Q thực hiện do công ty L giao khoán, và được công ty L và công ty Q đối trừ vào khối lượng thi công với nhau. Việc thỏa thuận chi trả tiền hộ giữa công ty L và công ty H không làm thành hợp đồng. Ngày 25/6/2021, ông Ph biên bản xác nhận số tiền 300.000.000đ trên đã được trừ vào khối lượng quyết toán với công ty L. Đến Ngày 07/7/2022 trong thời gian công ty L và công ty H tranh chấp, Tòa án lấy lời khai của ông Ngô Hoàng Ph đại diện công ty Q, liên quan đến số tiền 300.000.000đ trên, ông Ph khẳng định không biết gì vì việc thỏa thuận của công ty H và công ty L đây là việc riêng, ông chỉ nhận số tiền 300.000.000đ từ công ty H theo yêu cầu của công ty L, nên tại bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số: 07/2023/KDTM-PT ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau không chấp nhận khoản tiền L chuyển cho H là tiền trả nợ hộ cho Q mà tính vào khối lượng công trình giữa công ty H và công ty L đồng thời tính lãi chậm trả buộc công ty H phải trả cho công ty L 73.973.000đ. Nay công ty H khởi kiện yêu cầu công ty Q trả số tiền 300.000.000đ. Lãi từ ngày 01/8/2020 đến ngày 09/3/2023 tại bản án phúc thẩm đã tuyên là 73.973.000đ và lãi từ ngày nộp đơn 04/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/9/2023: $300.000.000đ \times 9\%/năm \times 155 \text{ ngày} = 11.465.000đ$. Công ty H yêu cầu công ty Q trả tổng số tiền 385.438.000đ gồm tiền gốc và tiền lãi chậm trả.

* Ông Ngô Hoàng Ph đại diện công ty Q trình bày: Vào khoảng năm 2018 không nhớ chính xác thời gian ông là đại diện hợp pháp Công ty TNHH DVTM xây dựng Q (công ty Q) có thỏa thuận với ông Huỳnh Thanh Q là đại diện Công ty TNHH L ký hợp đồng thi công các hạng mục nhỏ cho Bệnh Viện đa khoa Bạc Liêu về hạng mục máy lạnh và thiết bị “gọi y tá”. Tuy nhiên khi ký tên vào hợp đồng thi công thì đứng ký hợp đồng là Công ty P.T, theo ông được biết là ông Giáp Văn Nhất mượn danh nghĩa của Công ty P.T, thực tế ông thỏa thuận và đối chiếu khối lượng, thanh toán với ông Huỳnh Thanh Q là đại diện công ty TNHH L. Trong quá trình thi công có yêu cầu ông Q thanh toán tiền công trình thì ông Q 02 lần có yêu cầu ông qua gặp ông Giáp Văn Nh là giám đốc công ty H để nhận tiền với tổng số tiền 300.000.000đ. Số tiền này công ty L và công ty H thỏa thuận như thế nào ông không biết. Khi đối chiếu công nợ với công ty L số tiền 300.000.000đ này đã được đối trừ xong, thể hiện tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2020. Hiện nay ông không nhận thừa tiền so với khối lượng công trình ông đã thi công công trình Bệnh viện Bạc Liêu như đã thỏa thuận với công ty L (Hợp đồng thể hiện là ký kết hợp đồng với Công ty P.T). Nay công ty H kiện đòi ông trả 300.000.000đ và lãi chậm trả ông không đồng ý trả, vì số tiền này ông Huỳnh Thanh Q yêu cầu ông đi đến công ty H và

được ông Giáp Văn Nh đưa tiền để thực hiện công trình mà công ty Q ký kết với công ty L, còn thỏa thuận giữa công ty H và công ty H ông đại diện công ty Q hoàn toàn không biết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc công ty Q trả cho công ty H số tiền 385.438.000đ.

- Bị đơn cho rằng, cá nhân ông Giáp Văn Nh (giám đốc công ty H) là Đội trưởng đội thi công số 03 của Công ty P.T, theo thông tin ông biết thì ông Giáp Văn Nh là người giao khoán cho công ty Q hạng mục “Gọi Y Tá” là hạng mục của công trình Bệnh viện Bạc Liêu, việc giao khoán này chỉ là do ông biết, giữa ông Nh và công ty Q chưa ký kết hợp đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã đảm bảo đúng thủ tục tố tụng theo quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 385.438.000đ. Án phí xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Công ty TNHH H (gọi tắt là công ty H) khởi kiện Công ty TNHH TM - DV Xây dựng Q (gọi tắt là công ty Q) yêu cầu hoàn trả khoản tiền tạm ứng đã nhận do nguyên đơn chi hộ. Giao dịch giữa nguyên và bị đơn không vì mục đích lợi nhuận. Nên xác định đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Căn cứ vào công văn số 71/CV-ĐKKD ngày 31/7/2023 của Sở kế hoạch Đầu tư, dù xác định Công ty TNHH TM - DV Xây dựng Q do ông Ngô Hoàng Ph đại diện theo pháp luật, đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo Quyết định QDTH/10097425 ngày 2/10/2021, nhưng đến nay chưa thực hiện các thủ tục giải thể doanh nghiệp đối với Công ty TNHH TM - DV Xây dựng Q. Nên tư cách doanh nghiệp vẫn còn tồn tại và vẫn phải chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ của doanh nghiệp.

[3] Căn cứ vào 02 phiếu chi tạm ứng ngày 31/8/2018 thể hiện ông Trịnh Thanh L là nhân viên công ty Q đã nhận từ công ty H 02 lần tiền vào ngày 14/8/2018 nhận 150.000.000đ theo phiếu tạm ứng 14/8/2018, ngày 31/8/2018 nhận 150.000.000đ, công ty H xuất 02 phiếu chi cùng ngày 31/8/2018. Người đại diện theo pháp luật của công ty Q và đại diện theo ủy quyền của công ty H đã thừa nhận và đi đến thống nhất nội dung công ty Q nhận tiền tạm ứng từ công ty H là tiền để thanh toán khối lượng công trình Bệnh viện Bạc Liêu mà công ty H chi hộ công ty H. Công ty H tạm ứng cho công ty Q vật tư công trình Bệnh viện Bạc Liêu theo yêu cầu của H. Sự thỏa thuận của công ty H và công ty H không lập thành văn bản.

Quá trình tranh chấp giữa công ty H và công ty L, thể hiện tại bản án số 21/2022/KDTM-ST ngày 29/8/2022 và bản án phúc thẩm số 07/2023/KDTM-

PT ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau công ty L không thừa nhận có việc nhờ công ty H chi hộ, số tiền 300.000.000đ công ty L đã chuyển cho công ty H để thanh toán khối lượng công trình.

Tại mục 3.9 của bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 07/2023/KDTM-PT ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã có hiệu lực pháp luật, không chấp nhận yêu cầu của công ty H buộc công ty L phải trả lại 300.000.000đ và đồng thời đã tính lãi chậm trả đối với số tiền 300.000.000đ, theo ủy nhiệm chi ngày 14/8/2018 mà công ty H đã chi cho công ty H. Số tiền này được đối trừ vào khối lượng công trình mà công ty L và công ty H thực hiện với nhau, không phải khoản tiền chi hộ cho công ty Q như nguyên và bị đơn trình bày, hiện nay không có chứng cứ gì khác thể hiện khoản tiền 300.000.000đ theo ủy nhiệm chi ngày 14/8/2018 là khoản tiền chi hộ.

Do đó, khoản tiền công ty H đã chi cho công ty Q là tiền của công ty H.

Tại phiên tòa ông Ph đại diện công ty Q thừa nhận, giữa công ty Q và công ty H không có hợp đồng thi công công trình Bệnh viện Bạc Liêu, nhưng chủ đầu tư công trình gói thầu “Gọi y tá” của Bệnh viện Bạc Liêu là do đội thi công số 03 của Công P.T do ông Giáp Văn Nh là đội trưởng và nhận 300.000.000đ là tiền vật tư cho gói thầu do ông Nhất giao khoán. Tại phiên tòa, ông Ph cung cấp các chứng cứ nhưng không có chứng cứ thể hiện công ty H và công ty Q có thi công công trình nào. Cho dù 300.000.000đ là tiền chi vật tư mà đội thi công số 03 phải chi trả công ty Q thì đây cũng là nghĩa vụ của cá nhân ông Giáp Văn Nh, công ty H không có nghĩa vụ chi trả tiền vật tư cho công ty Q.

[4] Tại bản đối công nợ 04 ngày 30/9/2020 của công ty Q và công ty L, đối chiếu tiền ứng thi công xây dựng công trình Bệnh viện Bạc Liêu. Hai khoản tiền 150.00.000đ công ty Q nhận từ công ty H đã được đối trừ vào khối lượng công trình công ty Q đã thực hiện được khi thi công cho công ty L, nhưng tại biên bản đối chiếu này lại không có sự tham gia của công ty H cũng không có chứng cứ thể hiện có sự thống nhất của công ty H về biên bản đối chiếu nợ số 04 này như ông Ph trình bày tại phiên tòa. Trong khi, giữa nguyên và bị đơn không có hợp đồng thi công nào liên quan đến công trình Bệnh viện Bạc Liêu.

Từ những nhận định trên, có căn cứ khẳng định, công ty H không có nghĩa vụ thanh toán cho công ty Q, nên công ty Q phải có nghĩa vụ hoàn trả lại công ty H số tiền 300.000.000đ đã nhận.

[5] Đối với yêu cầu về số tiền lãi.

Về mức lãi, khi giao nhận tiền các bên không thỏa thuận về tiền lãi cũng như mức lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 9%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với mức lãi suất mà nguyên đơn phải trả trên số tiền 300.000.000đ này cho L như bản án phúc thẩm đã tuyên.

Về thời gian vi phạm nghĩa vụ và thời gian tính lãi chậm trả, nguyên đơn căn cứ vào bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số: 07/2023/KDTM-PT ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xác định thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ là ngày 01/8/2020. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/8/2020 đến ngày 25/8/2022 và từ ngày 06/4/2023 (ngày nộp đơn khởi

kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2023 là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể:

Tiền lãi tính từ ngày 01/8/2020 đến ngày 25/8/2022 là 754 ngày bằng số tiền 73.973.000đ; Tiền lãi tính từ ngày 06/4/2023 đến ngày 19/9/2023 bằng 168 ngày nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền 11.465.00đ là có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận tổng số tiền lãi chậm trả mà công ty Q phải trả là 85.438.000đ (73.973.000đ + 11.465.00đ).

[8] Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án không yêu cầu gì với Công ty L, không yêu cầu đối với ông Giáp Văn Nhội trưởng đội thi công số 3 Hội đồng xét xử không xem xét trong cùng vụ án.

Ông Trịnh Thanh Lel là người nhận tiền cho công ty Q đã được nguyên và bị đơn thừa nhận không có tranh chấp và không yêu cầu xem xét trách nhiệm của ông Trịnh Thanh L nên không cần thiết đưa ông Trịnh Thanh L vào tham gia tố tụng. Tại bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 07/2023/KDTM-PT ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã có hiệu lực pháp luật đã được giải quyết về trách nhiệm nợ giữa công ty H và công ty L xong, không chấp nhận yêu cầu của H buộc H trả số tiền 300.000.000đ liên quan đến Q nên không cần thiết đưa công ty H vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Hội đồng xét xử không đưa công ty L và ông Trịnh Thanh L vào tham gia tố tụng trong vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 274, 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Các Điều 30, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty TNHH H: Buộc Công ty TNHH TM - DV Xây dựng Q thanh toán cho Công ty TNHH H tổng số tiền 385.438.000đ (*Ba trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn đồng*).

Kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn H có đơn yêu cầu thi hành án, Công ty TNHH TM - DV Xây dựng Q không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm 19.272.000đ (*mười chín triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn đồng*), Công ty TNHH TM - DV Xây dựng Q phải nộp (chưa nộp). Công ty TNHH H không phải nộp án phí. Ngày 13/4/2023 Công ty TNHH H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 9.349.000đ (*chín triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn đồng*) theo lai thu số 0003197, tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau, được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thi Thu